

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Số: 174/NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đà Nẵng, ngày 12 tháng 7 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

**Về quy hoạch phát triển cơ sở hạ tầng ngành dịch vụ logistics
thành phố Đà Nẵng đến năm 2030 và tầm nhìn năm 2045**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG,
KHÓA IX, NHIỆM KỲ 2016 – 2021, KỲ HỌP THỨ 7**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 92/2006/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 89/2011/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2011 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 87/2009/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về vận tải đa phương thức;

Căn cứ Thông tư số 01/2012/TT-BKHĐT ngày 09 tháng 02 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về hướng dẫn xác định mức chi phí cho lập, thẩm định quy hoạch và công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu;

Căn cứ Thông tư số 18/2013/TT-BGTVT ngày 06 tháng 8 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc quy định về tổ chức, quản lý hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 05/2013/TT-BKHĐT ngày 31 tháng 10 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch ngành, lĩnh vực sản phẩm chủ yếu;

Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 04 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển dịch vụ vận tải đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 200/QĐ-TTg ngày 14 tháng 02 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch hành động nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển ngành dịch vụ logistics Việt Nam đến năm 2025;

Xét Tờ trình số 4543/TTr-UBND ngày 14 tháng 6 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc Quy hoạch phát triển cơ sở hạ tầng ngành dịch vụ logistics thành phố Đà Nẵng đến năm 2030 và tầm nhìn năm 2050; Báo cáo

thẩm tra của Ban Đô thị HĐND thành phố và ý kiến của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua quy hoạch phát triển cơ sở hạ tầng ngành dịch vụ logistics thành phố Đà Nẵng đến năm 2030 và tầm nhìn năm 2045 với những nội dung chủ yếu như sau:

1. Quan điểm quy hoạch

- Phát huy các nguồn lực, lợi thế của thành phố để xây dựng Đà Nẵng thành một trung tâm dịch vụ hậu cần trọng điểm của vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, là đầu mối giao thông quan trọng của cả nước, cửa chính ra biển Đông của hành lang kinh tế Đông – Tây;

- Quy hoạch hệ thống trung tâm logistics phải gắn kết hợp lý với quy hoạch phát triển thương mại, công nghiệp, giao thông đường bộ, đường thủy, đường sắt, đường hàng không, quy hoạch sử dụng đất và các quy hoạch phát triển hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội khác của Đà Nẵng và khu vực kinh tế trọng điểm miền Trung;

- Quy hoạch phải tính đến khả năng khai thác lâu dài, phải đảm bảo dành quỹ đất đủ để bố trí các phân khu chức năng đáp ứng nhu cầu phát triển của trung tâm;

- Quy hoạch phát triển các trung tâm logistics dựa trên sự huy động các nguồn lực của xã hội, bao gồm cả nguồn lực từ các nhà đầu tư trong và ngoài nước. Bảo đảm huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đầu tư xây dựng và khai thác các trung tâm logistics;

- Quy hoạch phát triển có trọng tâm trên cơ sở xác định quy mô trung tâm logistics chính; số lượng, vị trí trung tâm logistics vệ tinh phù hợp với từng thời kỳ. Bên cạnh đó, khuyến khích các trung tâm và khu vực cung ứng dịch vụ logistics truyền thống đang hoạt động hiệu quả tiếp tục phát triển, tăng tính cạnh tranh và sự chuyên nghiệp.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu chung

Nhằm phát triển thành phố Đà Nẵng là trở thành trung tâm logistics của vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, trong đó cảng Liên Chiểu được sử dụng như là Cảng cửa ngõ của chuỗi cung ứng dịch vụ logistics vào các nước ASEAN và châu Á - Thái Bình Dương, mục tiêu tổng thể phát triển cơ sở hạ tầng ngành dịch vụ logistics thành phố Đà Nẵng là: Tận dụng được các ưu thế của địa phương để phát triển được hệ thống cơ sở hạ tầng logistics đồng bộ, liên thông, đủ năng lực đáp ứng nhu cầu dịch chuyển, xử lý dòng hàng hóa phát sinh của thành phố, của các tỉnh lân cận và một phần luồng hàng hóa trên hành lang kinh tế Đông - Tây (EWEC).

2.2. Mục tiêu cụ thể

Phát triển các trung tâm logistics cấp vùng, địa phương và chuyên dụng bảo đảm cung cấp các dịch vụ logistics đáp ứng tốt nhu cầu sản xuất trong nước, xuất nhập khẩu của thành phố Đà Nẵng và khu vực miền Trung, Tây Nguyên, các nước trong khu vực; có khả năng cung cấp một số dịch vụ logistics cạnh tranh cho luồng hàng hóa quốc tế trung chuyển trên hành lang kinh tế Đông - Tây ra vào cảng biển Đà Nẵng.

Dự kiến đến năm 2020, các trung tâm logistics tại địa bàn thành phố đáp ứng được khoảng 25% về lượng xử lý logistics cho luồng hàng hóa qua cảng biển, đến năm 2025 là 30%, đến năm 2030 là 35% ; đến năm 2045 là 55%. Đối với luồng hàng hóa qua cảng hàng không tương ứng là 10%, 15%, 20% và 40%. Đối với luồng hàng hóa đường sắt: năm 2030 là 20% và 2045 là 40%.

Phát triển các trung tâm logistics đô thị đáp ứng nhu cầu thu mua, phân phối bán buôn các loại hàng hóa tiêu dùng phục vụ nhu cầu đời sống hàng ngày của người dân thành phố và khu vực lân cận.

Đảm bảo kết nối giao thông đồng bộ giữa cảng biển, cảng hàng không với các đầu mối vận tải hàng hóa khác, với các trung tâm logistics các loại một cách thông suốt, tạo điều kiện cho luồng hàng hóa trên các tuyến vận tải đa phương thức dịch chuyển được dễ dàng, nhanh chóng với một mức chi phí vận tải và chi phí dịch vụ logistics cạnh tranh trong khu vực và quốc tế.

Mục tiêu theo các giai đoạn

(1) Mục tiêu ngắn hạn, giai đoạn từ nay đến năm 2020: hoàn thành các quy hoạch phát triển cơ sở hạ tầng ngành dịch vụ logistics và ban hành các chính sách thúc đẩy phát triển ngành logistics, tạo môi trường tốt cho phát triển ngành logistics.

(2) Mục tiêu trung hạn, từ 2021-2030: xóa bỏ các “nút thắt cổ chai” về cơ sở hạ tầng ngành dịch vụ logistics, sơ bộ xây dựng nền tảng phát triển logistics hiện đại, phát triển mạnh mẽ logistics 3PL, phát triển ngành logistics trở thành một trong các ngành có tỷ trọng GRDP đáng kể của thành phố, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, viễn thông hiện đại và thương mại điện tử vào cung cấp dịch vụ logistics.

(3) Mục tiêu dài hạn, từ 2031-2045: hoàn thành xây dựng hệ thống logistics hiện đại có cấu trúc rõ ràng, cơ sở hoàn chỉnh và chức năng hoàn thiện, hoàn thành phân phối tài nguyên hợp lý, xây dựng thành phố Đà Nẵng thành một thành phố có trung tâm logistics cấp I quốc gia và cấp II của vùng.

3. Nội dung quy hoạch

3.1. Quy hoạch phát triển các Trung tâm logistics

Đến năm 2045, trên địa bàn thành phố xây dựng 01 trung tâm logistics cấp vùng và các trung tâm logistics cấp tỉnh như sau:

- Trung tâm logistics cảng Liên Chiểu: Có vai trò là trung tâm logistics cấp vùng, đồng thời là trung tâm logistics cảng biển, hạng I, quy mô đến năm 2030 là 35 ha, đến năm 2045 đạt 69 ha. Vị trí đặt tại cảng Liên Chiểu;

- Trung tâm logistics Hòa Nhơn: Là Trung tâm logistics cấp tỉnh đồng thời là trung tâm logistics đường bộ, hạng II, quy mô đến năm 2030 là 27 ha, đến năm 2045 đạt 54 ha. Vị trí đặt tại nút giao giữa cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi và đường Hoàng Văn Thái. Có chức năng cung cấp các dịch vụ kỹ thuật phương tiện vận tải đường bộ, dịch vụ môi giới vận tải và dịch vụ logistics cho luồng hàng hóa Bắc - Nam và các tỉnh lân cận trung chuyển qua thành phố;

- Trung tâm logistics ga hàng hóa Kim Liên mới: Là trung tâm logistics cấp tỉnh đồng thời là trung tâm logistics đường sắt, quy mô đến năm 2030 là 05 ha, đến năm 2045 đạt 10 ha. Vị trí đặt tại ga đường sắt Kim Liên mới, gần Khu công nghiệp Hòa Khánh;

- Trung tâm logistics cảng hàng không quốc tế Đà Nẵng: Là trung tâm logistics chuyên dụng hàng không, quy mô đến năm 2030 là 04 ha, đến năm 2045 đạt 08 ha. Vị trí đặt trong khu vực cảng hàng không quốc tế Đà Nẵng;

- Trung tâm logistics khu công nghệ cao: Là trung tâm logistics cấp tỉnh đồng thời là trung tâm logistics đường bộ, quy mô đến năm 2030 là 03 ha, đến năm 2045 dự kiến đạt 20 ha. Vị trí đặt trong khu công nghệ cao của thành phố. Có vai trò là trung tâm logistics phụ trợ trung tâm logistics hàng không và đường sắt;

- Các trung tâm logistics nhỏ lẻ và các kho bãi khác: có vai trò hỗ trợ các trung tâm logistics tập trung nói trên đồng thời thu gom, phân phối hàng hóa phục vụ thành phố và các tỉnh lân cận. Quy mô đến năm 2030 đạt 26 ha, đến năm 2045 đạt 57 ha. Bố trí theo thực tế nhu cầu và điều kiện quỹ đất của thành phố tại các địa điểm thuận tiện giao thông và gần các đầu mối sản xuất, tiêu thụ hàng hóa.

3.2. Quy hoạch cải thiện hệ thống giao thông kết nối

- Xây dựng mới 01 đường sắt đơn khổ lòng (1000mm, 1435mm) kết nối trực tiếp ga hàng hóa đường sắt Kim Liên mới với Trung tâm logistics cảng Liên Chiểu, đảm bảo được kết nối giữa cảng biển với các phương thức vận tải đường bộ, đường sắt và đường biển trong hệ thống vận tải địa phương và quốc gia;

- Xây dựng mới 01 tuyến đường bộ kết nối cảng Liên Chiểu với QL1A phía nam hầm Hải Vân;

- Xây dựng các đường kết nối các trung tâm logistics Hòa Nhơn, khu công nghệ cao, đường sắt với các trục giao thông đối ngoại;

- Thực hiện phương án quy hoạch các đường giao thông cao tốc, vành đai, trục chính như phương án quy hoạch đã phê duyệt trước đó (Quyết định số 2357/QĐ-TTg ngày 04/12/2013 về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Đà Nẵng đến năm 2030 và tầm nhìn đến 2045).

3.3. Nhu cầu vốn và quỹ đất

- Tổng nhu cầu vốn đầu tư phát triển dịch vụ logistics trên địa bàn thành phố Đà Nẵng là 13.695 tỷ đồng:

Tổng nhu cầu vốn đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng logistics (tỷ đồng)

STT	Trung tâm logistics	Đơn giá	Nhu cầu vốn đầu tư theo phân kỳ				Tổng vốn
			2020	2025	2030	2045	
1	TT logistics cảng Liên Chiểu	70,95	-	1.064	1.064	2.838	4.967
2	TT logistics ga Kim Liên mới	70,95	-	-	710	-	710
3	TT logistics khu công nghệ cao	35,70	-	179	-	536	714
4	TT logistics Hòa Nhơn	70,95	710	355	1.064	1.703	3.831
5	TT logistics hàng không	44,50	-	178	-	178	356
6	Các TT logistics nhỏ lẻ và kho bãi khác	44,50	-	267	223	1.202	1.691
Tổng đầu tư các Trung tâm logistics			710	2.043	3.061	6.456	12.268
5	Đường sắt đơn khổ lồng từ ga KL đến cảng LC, 6 km	8,02	-	48	-	-	48
6	Kết nối đường bộ, km	131,18	394	984	-	-	1.377
Tổng đầu tư kết nối GT			394	1.032	-	-	1.425
TỔNG CỘNG			1.103	3.074	3.061	6.456	13.694

Ghi chú: Không tính thêm vốn đầu tư 40 ha Trung tâm logistics nhỏ lẻ và kho bãi hiện có.

Trung tâm logistics khu công nghệ cao không tính chi phí giải phóng mặt bằng và hạ tầng kỹ thuật do đã đưa vào chi phí khu công nghệ cao.

Trung tâm logistics hàng không và các trung tâm logistics nhỏ lẻ, kho bãi không tính chi phí giải phóng mặt bằng.

Nguồn vốn đầu tư phát triển các trung tâm logistics: Do Ủy ban nhân dân thành phố kêu gọi đầu tư. Nguồn vốn đầu tư cải thiện kết nối giao thông đường bộ, nút giao thông thuộc địa phương quản lý: Do Ủy ban nhân dân thành phố đầu tư từ nguồn ngân sách địa phương. Nguồn vốn đầu tư đường sắt kết nối từ cảng Liên Chiểu đến ga hàng hóa Kim Liên mới do Trung ương đầu tư (ngân sách trung ương). Các tuyến đường bộ thuộc trung ương quản lý cũng do Trung ương đầu tư.

- Nhu cầu quỹ đất: Tổng nhu cầu quỹ đất để thực hiện quy hoạch phát triển cơ sở hạ tầng ngành logistics thành phố Đà Nẵng đến năm 2045 ước khoảng 312 ha.

Nhu cầu quỹ đất dành cho giao thông kết nối

STT	Nội dung	Diện tích (ha)
1	Đường sắt tại Trung tâm logistics Liên Chiểu đi ga hàng hóa mới	20.0
2	Đường bộ vào Trung tâm logistics ga hàng hóa Kim Liên mới	4.5
3	Đường bộ vào Trung tâm logistics Liên Chiểu	9.8
4	Đường bộ nối QL1A mới với TT logistics khu CNC, mở rộng nút giao	6.5
5	Đường bộ vào trung tâm logistics Hòa Nhơn	4.5
6	Đường nối trung tâm logistics ICD Hòa Nhơn đường Nam hầm Hải Vân-Túy Loan, mở rộng nút giao	3.0
7	Đường nối QL1 mới với vành đai phía tây	23.5
	Tổng quỹ đất giao thông	71,8

Tổng hợp nhu cầu quỹ đất phát triển cơ sở hạ tầng logistics

STT	Loại đất	Năm 2020 (ha)	Năm 2025 (ha)	Năm 2030 (ha)	Năm 2045 (ha)
1	Quỹ đất xây dựng các trung tâm logistics	10,0	39,0	79,0	162,0
2	Quỹ đất phát triển các trung tâm logistics nhỏ lẻ và kho bãi khác	40,0	46,0	51,0	78,0
3	Quỹ đất phát triển KCHT GTVT kết nối	9,8	36,8	71,8	71,8
Tổng		59,8	121,8	201,8	311,8

Nguồn: Tư vấn tính toán, 2018

4. Giải pháp phát triển ngành dịch vụ logistics tại thành phố Đà Nẵng

- Hoàn thiện quản lý nhà nước: Hoàn thiện cơ chế chính sách làm cơ sở cho quản lý hoạt động logistics; tăng cường vai trò quản lý của thành phố đối với các doanh nghiệp logistics; chuẩn hóa các quy trình dịch vụ và thống kê logistics; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong phát triển dịch vụ logistics.

- Ưu tiên, thu hút đầu tư vào cơ sở hạ tầng logistics nhằm lựa chọn được các nhà đầu tư đủ năng lực để đạt được hiệu quả cao; đơn giản hóa cơ chế quản lý tránh tình trạng chồng chéo trách nhiệm và quyền hạn giữa các cơ quan liên quan; tập trung đầu tư phát triển hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin logistics; đẩy mạnh các hình thức hợp tác và ứng dụng các thành tựu khoa học công nghệ của các doanh nghiệp trong lĩnh vực dịch vụ logistics.

- Nâng cao khả năng cạnh tranh của các dịch vụ logistics, khắc phục những yếu kém của doanh nghiệp logistics nội địa so với đối thủ cạnh tranh quốc tế; tăng cường khả năng hợp tác, liên kết các hoạt động logistics giữa các doanh nghiệp trong khu vực; tạo dựng lợi thế cạnh tranh riêng biệt về dịch vụ cho các doanh nghiệp logistics nội địa.

- Tăng cường năng lực đội ngũ nhân lực logistics thông qua ban hành các danh mục nghề, tiêu chuẩn nghề nghiệp logistics, khuyến khích đào tạo logistics tại các trường nghề, cao đẳng, đại học trong và ngoài nước; tổ chức đào tạo tại chỗ; bồi dưỡng nghiệp vụ cho đội ngũ nhân lực hiện có.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày được Hội đồng nhân dân thành phố biểu quyết thông qua.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

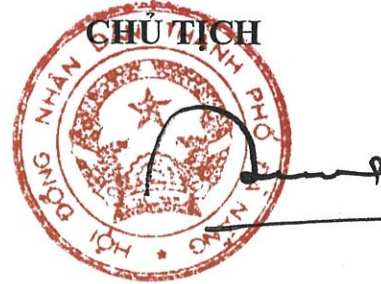
1. Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban Hội đồng nhân dân, các tổ đại biểu và đại biểu HĐND thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng khoá IX, nhiệm kỳ 2016 - 2021, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 12 tháng 7 năm 2018./.

Nơi nhận:

- UBND, Chính phủ, VP Chủ tịch nước;
- Bộ Giao thông Vận tải;
- BTV Thành ủy, cơ quan tham mưu, giúp việc Thành ủy;
- ĐB HĐND thành phố; Đoàn ĐBQH thành phố;
- UBND, UBMTTQVN thành phố;
- VP Đoàn ĐBQH, HĐND, UBND thành phố;
- Các sở, ngành, đoàn thể thành phố;
- Quận, huyện ủy; HĐND, UBND, UBMTTQVN các quận, huyện, HĐND, UBND các phường, xã;
- Báo ĐN, Báo CATP ĐN, Đài PTTH ĐN, Trung tâm TTVN (VTV8), Công TTĐT thành phố;
- Lưu: VT, TH.



Nguyễn Nho Trung